TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 25 – 7 – 2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Ngọc Nguyên;

2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Tranh chấp ly hôn", thụ lý số: 213/2019/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2019/QĐST – HNGĐ ngày 05/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Thành P, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ X, ấp B, xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ X, ấp B, xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang và tổ Y, ấp B, xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** **Theo đơn khởi kiện, bản khai ý kiến và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là ông Võ Thành P trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Bích T tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2000 và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M ngày 18/11/2003. Hôn nhân lần thứ nhất của vợ chồng ông. Sau khi kết hôn, ông và bà T chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì xảy ra tranh cãi và ly thân đến nay. Nguyên nhân do bà T ham mê cờ bạc, gây nợ nhiều lần, không chăm lo gia đình và chồng con. Thời gian qua, ông vì con nên nhiều lần khuyên can nhưng bà T không thay đổi. Nay, nhận thấy tình cảm dành cho bà T không còn nên ông yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung tên Võ Minh T sinh ngày 13/8/1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động, Võ Hoàng A sinh ngày 18/12/2004. Do cháu A đang được ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Bích T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P vì hôn nhân của ông và bà T không còn mang lại hạnh phúc. Về con chung, thời gian qua, ông P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa trưởng thành là cháu Võ Hoàng A sinh ngày 18/12/2004. Do đó, để cháu A có cuộc sống ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con của nguyên đơn. Ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Do bà T không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa ông Võ Thành P và bà Nguyễn Thị Bích T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và được Công an xã M xác định bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ X, ấp B, xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang và về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại tổ Y, ấp B, xã M. Như vậy, bà T vẫn còn sinh sống tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà T. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn không có mặt. Ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/7/2019, lý do ông phải đi làm ăn ở xa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thành P và bà Nguyễn Thị Bích T tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2000 và được Ủy ban nhân dân xã M cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 222, ngày 18/11/2013, quyển số 02/2003 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Bà T không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông P, cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải. Như vậy, bà đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn được quy định tai các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

[5] Ông P cho rằng, quá trình vợ chồng ông chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà T không quan tâm đến chồng con, ham mê cờ bạc, nhiều lần gây

nợ. Ông vì con nên thường xuyên nhắc nhở để bà T sửa đổi nhưng không có kết quả. Ông P và bà T tự ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay vẫn không có biện pháp hàn gắn và ông P cũng xác định không còn tình cảm đối với bà T. Xét thấy, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P.

[6] Về con chung: Căn cứ vào bản sao trích lục khai sinh số 75/TLKS - BS ngày 27/3/2019 và số 76/TLKS - BS ngày 27/3/2019 của Ủy ban nhân dân xã M cấp cho Võ Minh T và Võ Hoàng A đã đủ cơ sở xác định ông P và bà T có một con chung tên Võ Minh T sinh ngày 13/8/1997 đã trưởng thành, có khả năng lao động và một con chung chưa trưởng thành tên Võ Hoàng A sinh ngày 18/12/2004. Xét thấy, cháu Võ Hoàng A có nguyện vọng được sống với cha và thời gian qua ông P là người trực tiếp nuôi con chung chưa trưởng thành nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu được quyền nuôi con khi ly hôn của ông P.

[7] Do ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của bà T về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] ***Về án phí*:** Ông P phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

- Về con chung: Ông P và bà T có 02 (Hai) con chung tên Võ Minh T sinh ngày 13/8/1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân; Võ Hoàng A sinh ngày 18/12/2004. Ông P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Võ Hoàng A.

Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông P không yêu cầu.

Ông P và các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho bà T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Ông P phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông P đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002873 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, ông P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông P và bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *UBND xã M;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa Pên tòa

Trần Phạm Xuân Khanh

Nơi nhận:
THẨM
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *Chi cục THADS TPLX;*
- *Lưu: hồ sơ, VP./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

Trần Phạm Xuân Khanh

Trần Phạm Xuân Khanh